

Bản án số: 1259/2024/HC-PT

Ngày 13-12-2024

V/v Khiếu kiện hành vi hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Tuấn.

Các Thẩm phán:

Ông Ngô Đức Thọ.

Bà Nguyễn Thị Ngọc Hoa.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Trung Kiên – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Hà Văn Hiến – Kiểm sát viên.

Ngày 13/12/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 830/2024/TLPT-HC ngày 09/10/2024 về việc “*Khiếu kiện hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Do bản án hành chính sơ thẩm số 66/2024/HC-ST ngày 14/5/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3363/2024/QĐPT-HC ngày 29/11/2024 giữa các đương sự:

- **Người khởi kiện:** Cụ Lục Thị Phương C, sinh năm 1944; địa chỉ: D đường V, Phường B, thành phố T, tỉnh Long An. (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của cụ C: Ông Nguyễn Tấn P, sinh năm 1967; địa chỉ: D V, Phường B, thành phố T, tỉnh Long An. (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Ông Nguyễn Thế T, Luật sư thuộc Chi nhánh Công ty L1, Đoàn Luật sư Thành phố H. (có mặt)

- **Người bị kiện:**

1/ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh L. (vắng mặt)

2/ Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Long An. (yêu cầu xét xử vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T: Ông Hồ Hoài V, Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố T. (có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Long An. (yêu cầu xét xử vắng mặt)

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân thành phố T: Ông Hồ Hoài V, Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố T. (có mặt)

2/ Ông Nguyễn Tấn G, sinh năm 1969; địa chỉ: D V, Phường B, thành phố T, tỉnh Long An. (có mặt)

3/ Bà Nguyễn Thị Phương T1, sinh năm 1976; địa chỉ: B V, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

4/ Bà Nguyễn Thị Phương T2, sinh năm 1979; địa chỉ: D V, Phường B, thành phố T, tỉnh Long An. (có mặt)

5/ Ông Nguyễn Tấn T3, sinh năm 1969; địa chỉ: D V, Phường B, thành phố T, tỉnh Long An. (vắng mặt)

6/ Ông Nguyễn Tấn P, sinh năm 1967; địa chỉ: D V, Phường B, thành phố T, tỉnh Long An. (có mặt)

7/ Ông Nguyễn Cao Sơn T4, sinh năm 1979; địa chỉ: A đường H, Phường C, thành phố T, tỉnh Long An. (có mặt)

- *Người kháng cáo:* Người đại diện theo ủy quyền của cụ Lục Thị Phương C, là người khởi kiện; ông Nguyễn Tấn P, ông Nguyễn Tấn G và bà Nguyễn Thị Phương T2, là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện và người đại diện hợp pháp của người khởi kiện trình bày:

Gia đình cụ Lục Thị Phương C quản lý một thửa đất từ năm 1972, giáp với đường thoát nước từ khu dân cư ra Quốc lộ A, hiện là thửa số 243, tờ bản đồ số 9, Phường B, thành phố T, tỉnh Long An. Phần đất này nằm trong khuôn viên đất gia đình cụ C, xung quanh có trồng cây lâu năm. Giấy tờ về diện tích đất vẫn còn, nhưng Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố T lại lấy một phần đất (rộng 1,05m, diện tích 20,2m²) cụ C đang quản lý sử dụng cùng với đường thoát nước của khu dân cư (rộng 1,75m, diện tích 33,6m²) bán cho ông Nguyễn Cao Sơn T4 là không đúng với thực tế. Cụ C khiếu nại nhưng cả 02 lần giải quyết khiếu nại (tại Quyết định số 4407/UBND-NC ngày 20/9/2016 của Chủ tịch UBND thành phố T – lần đầu và Quyết định số 2520/QĐ-UBND ngày 06/7/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh L – lần hai) đều không chấp nhận khiếu nại của cụ C.

Do đó, cụ C yêu cầu: hủy Quyết định số 4407/UBND-NC ngày 20/9/2016 của Chủ tịch UBND thành phố T, tỉnh Long An (gọi tắt là Quyết định 4407) và Quyết định số 2520/QĐ-UBND ngày 06/7/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh L (gọi tắt là Quyết định 2520).

Tại Văn bản số 4306/UBND-TCD ngày 25 tháng 9 năm 2017, người bị kiện là Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh L có ý kiến như sau:

Nguồn gốc đất và diễn biến đất của cụ Lục Thị Phương C: Ngày 12/7/1972, ông Nguyễn Hoài N lập tờ hợp đồng được chính quyền chế độ cũ chứng thực để cho cụ Nguyễn Tấn L (chồng cụ Lục Thị Phương C) thuê mướn đất cất nhà ở chiều dài 25 m, chiều rộng 18m.

Ngày 06/11/2002, UBND thị xã (nay là thành phố) Tân An cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở (gọi tắt là Giấy chứng nhận) cho cụ Lục Thị Phương C, thửa số 243, diện tích 355,8m². Năm 2006, Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã T chỉnh lý Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của cụ C giảm 36,4m² do chuyển sang đất giao thông, diện tích còn lại trong Giấy chứng nhận là 319,4m². Theo họa đồ trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của cụ C thì chiều rộng phía trước giáp ranh đường số 77 (nay là đường V) là 17,27 m, chiều rộng phía sau là 16,64m.

Đất đường thoát nước công cộng: Đường thoát nước công cộng có từ trước năm 1975 đến nay tại vị trí giáp ranh với đất của cụ C có chiều rộng đo đạc thực tế hiện nay là 2,8m, diện tích 53,8m² (nay là thửa số 409), gồm: đường thoát nước rộng 1,75m (diện tích 33,6m²) và bờ đất rộng 1,05m (diện tích 20,2m²) cặp theo đường thoát nước. Trong quá trình sử dụng thửa số 243, cụ C sử dụng luôn bờ đất rộng 1,05m (diện tích 20,2m²).

Ngày 22/3/2013, UBND thành phố T có Công văn số 708/UBND-KT gửi Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L xin chủ trương thanh lý đất công trên địa bàn, trong đó có thửa số 409, diện tích 53,8m², tờ bản đồ số 09, Phường B, với lý do, đường thoát nước công cộng không còn sử dụng.

Ngày 24/6/2013, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L có Tờ trình số 254/TTr-STNMT về việc kiến nghị UBND tỉnh L cho chủ trương bán đấu giá và giao đất có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá trên địa bàn thành phố T, trong đó có thửa số 409.

Ngày 03/7/2013, UBND tỉnh L có Công văn số 2298/UBND-KT chấp thuận chủ trương cho tổ chức bán đấu giá giao quyền sử dụng đất đối với các thửa đất công không còn nhu cầu sử dụng vào mục đích chung trên địa bàn thành phố T, trong đó có thửa số 409.

Ngày 24/8/2015, UBND thành phố T có Quyết định số 4220/QĐ-UBND phê duyệt kết quả trúng đấu giá đất công thửa số 409, diện tích 53,8m² cho ông Nguyễn Cao Sơn T4.

Ngày 30/11/2015, ông Nguyễn Tấn P (con của cụ Lục Thị Phương C) có đơn gửi U yêu cầu: *“Nếu Nhà nước bán phần đất công là đường nước công cộng phải đo đạc lại đủ ranh giới đất của ông chiều rộng 18m hoặc là Nhà nước giữ nguyên hiện trạng đường nước công cộng cho các hộ dân sử dụng”*.

Quá trình giải quyết: Ngày 26/01/2016, UBND thành phố T ra Quyết định số 07/QĐ-UBND, giao đất cho ông Nguyễn Cao Sơn T4. Cùng ngày, U có Công văn số 66/CV-UBND trả lời đơn của ông Nguyễn Tấn P: *“...Hiện nay đường thoát nước giáp ranh với nhà đất của gia đình ông đã có quyết định giao cho người mua trúng đấu giá số 4220/QĐ-UBND ngày 24/8/2015 của UBND thành phố T và người mua đã nộp tiền vào ngân sách Nhà nước. Do đó, U thông báo đến ông*

Nguyễn Tấn P trong thời gian từ ngày 25/01/2016 đến ngày 01/02/2016 nếu không cung cấp được giấy tờ có liên quan việc khiếu nại của ông thì U sẽ phối hợp Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố T giao đất cho người trúng giá theo quy định... ”.

Năm 2016, cụ C khiếu nại UBND thành phố T bán đấu giá phần đất 53,8 m² (tổng chiều rộng 2,8m), gồm: Đất gia đình bà diện tích 20,2 m² (rộng 1,05m) và đường thoát nước diện tích 33,6 m² (rộng 1,75m). Cùng năm này, cụ C xây dựng hàng rào bê tông lưới B40 bao thửa số 243 và bờ đất rộng 1,05m, cụ C để lại đường thoát nước rộng 1,75m.

Ngày 20/9/2016, Chủ tịch UBND thành phố T có Quyết định 4407 với nội dung, bác đơn khiếu nại của cụ C về việc khiếu nại UBND thành phố lấy phần đất của cụ (ngang 1.05m) bán đấu giá và bán đấu giá đường thoát nước gây ngập úng khu vực. Cụ C tiếp tục khiếu nại đến Chủ tịch UBND tỉnh L.

Ngày 06/7/2017, Chủ tịch UBND tỉnh L ban hành Quyết định 2520 với nội dung, giữ nguyên Quyết định số 4407, lý do: Đất không thuộc quyền sử dụng của cụ C.

Tại Văn bản số 1364/UBND-NCTCD ngày 04 tháng 4 năm 2024, người bị kiện là Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T có ý kiến như sau:

Nguồn gốc sử dụng đất của cụ Lục Thị Phương C do thuê mướn của ông Nguyễn Hoài N vào năm 1972. Năm 1998, cụ C làm đơn xin cấp Giấy chứng nhận với diện tích là 355,8 m² (kèm hồ sơ kỹ thuật thửa đất có số đo từng cạnh cụ thể) và cụ C đã được cấp theo hồ sơ đăng ký. Từ khi được cấp Giấy chứng nhận cho đến nay cụ C không có khiếu nại, thắc mắc gì về diện tích đất và kích thước các cạnh thửa đất. Năm 2006, Nhà nước mở rộng lộ bị mất 36,4 m², diện tích còn lại trong Giấy chứng nhận là 319,4 m².

Đường thoát nước công cộng có từ trước năm 1975 đến nay tại vị trí giáp ranh với đất của cụ C có chiều rộng đo đạc thực tế hiện nay là 2,8m, diện tích 53,8 m² (nay là thửa số 409), gồm: đường thoát nước rộng 1,75 m (diện tích 33,6 m²) và bờ đất rộng 1,05m (diện tích 20,2m²) cấp theo đường thoát nước. Trong quá trình sử dụng thửa số 243, cụ C sử dụng luôn bờ đất rộng 1,05m (diện tích 20,2 m²).

Theo bản trích đo bản đồ địa chính lập ngày 07/3/2016 thì thực tế phần đất của cụ C có chiều ngang, chiều dài, diện tích đúng theo Giấy chứng nhận đã được cấp. Như vậy, cụ C khiếu nại cho rằng UBND thành phố T lấp phần đất của cụ C nhập chung với đường nước để bán đấu giá là không đúng. Việc cụ C cho rằng phần đất của cụ C ngang 18 m, dài 25 m theo giấy thuê năm 1972 là không có cơ sở xem xét giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Cao Sơn T4 trình bày:

Ông mua trúng đấu giá thửa đất số 409, tờ bản đồ số 9. Ngày 24/8/2015, UBND thành phố T ban hành Quyết định số 4220/QĐ-UBND phê duyệt kết quả trúng đấu giá. Ngày 26/01/2016, UBND thành phố T ban hành Quyết định số

07/QĐ-UBND về việc giao đất cho ông thừa đất số 409, tờ bản đồ số 9. Ông xác định việc mua thừa đất trên là đúng qui định của pháp luật.

Tại các lời trình bày tại phiên Tòa, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (bao gồm các ông, bà Nguyễn Tấn G, Nguyễn Thị Phương T2, Nguyễn Tấn T3, Nguyễn Tấn P) trình bày:

Các ông, bà là con của cụ C. Việc UBND thành phố T bán đấu giá thừa đất 409, tờ bản đồ số 9 cho ông Nguyễn Cao Sơn T4 là không đúng quy định của pháp luật vì trong thừa đất 409 có một phần diện tích là đất của cụ C nhận chuyển nhượng từ ông Nguyễn Hoài N từ năm 1972, có giấy tờ thể hiện. Cụ C sử dụng đất trên 50 năm và đã được UBND thành phố T cấp Giấy chứng nhận năm 2002. UBND thành phố T có căn cứ vào Tờ hợp đồng thuê mướn đất xây cất nhà ở ngày 12/07/1972 để cấp Giấy chứng nhận cho cụ C nên Tờ hợp đồng này có giá trị pháp luật. Người bị kiện cho rằng phần đất cụ C sử dụng là đất công nhưng không có chứng cứ chứng minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Phương T1 không tham gia, không có lời trình bày tại Tòa án.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 66/2024/HC-ST ngày 14/5/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An đã quyết định (tóm tắt):

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của cụ Lục Thị Phương C về việc: Hủy Quyết định số 4407/UBND-NC ngày 20/9/2016 của Chủ tịch UBND thành phố T, tỉnh Long An về việc giải quyết khiếu nại của cụ Lục Thị Phương C ngụ số D đường V, Phường B, thành phố T, tỉnh Long An; hủy Quyết định số 2520/QĐ-UBND ngày 06/7/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh L về việc giải quyết khiếu nại (lần hai) của cụ Lục Thị Phương C, đất tọa lạc Phường B, thành phố T, tỉnh Long An.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo.

Cùng ngày 24/05/2024, người khởi kiện là cụ Lục Thị Phương C; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Tấn P, ông Nguyễn Tấn G và bà Nguyễn Thị Phương T2, kháng cáo Bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu của Người khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện tranh luận: Trên phần đất cụ C sử dụng có hàng rào và 03 cây dừa, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét vấn đề bồi thường cho cụ C là chưa giải quyết triệt để vụ án; UBND thành phố T, tỉnh Long An lấp mương nước để bán đấu giá đất công, nhưng diện tích phân thừa không đảm bảo diện tích, kích thước cạnh mặt tiền tối thiểu theo quy định của UBND nhân dân tỉnh L nên trường hợp bán đấu giá này bị vô hiệu.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch UBND thành phố T và UBND thành phố T phát biểu tranh luận: Quá trình giải quyết lại vụ án ở cấp sơ thẩm, người khởi kiện có ý kiến không yêu cầu bồi thường về tài sản trên đất mà chỉ yêu cầu xem xét giải quyết các quyết định giải quyết khiếu nại của UBND hai cấp tỉnh Long An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Từ khi Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý vụ án cho đến khi xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và đương sự đã thực hiện đầy đủ và đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, đánh giá đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, xét xử không chấp nhận yêu cầu của Người khởi kiện về việc hủy các quyết định hành chính của Người bị kiện là có căn cứ pháp luật. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của Người bị kiện, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn Kháng cáo của người khởi kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (ông Nguyễn Tấn P, ông Nguyễn Tấn G, bà Nguyễn Thị Phương T2) làm trong hạn luật định, đủ điều kiện thụ lý giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Người bị kiện và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt hoặc đã được tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập đến phiên tòa lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt không do sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên theo quy định tại khoản 2, 4 Điều 225 của Luật Tố tụng hành chính, Tòa án xét xử vắng mặt những người này.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của Người khởi kiện và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, thấy rằng: Nguồn gốc sử dụng đất của gia đình cụ C do thuê của ông Nguyễn Hoài N vào năm 1972. Năm 1998, cụ C làm đơn xin cấp quyền sử dụng đất với diện tích là 355,8m² (kèm hồ sơ kỹ thuật thửa đất có số đo từng cạnh cụ thể) và cụ C đã được cấp Giấy chứng nhận theo hồ sơ đăng ký (thửa số 243, tờ bản đồ số 9, Phường B, thành phố T, tỉnh Long An, theo họa đồ trong Giấy chứng nhận thì chiều rộng mặt trước là 17,27m, chiều rộng mặt sau là 16,64m). Năm 2006, Nhà nước mở rộng lộ, diện tích đất của cụ C bị mất 36,4m², còn lại trong Giấy chứng nhận là 319,4m².

[3] Theo Trích đo bản đồ địa chính lập ngày 07/3/2016, thì thực tế phần đất của cụ C có chiều ngang, chiều dài, diện tích đúng theo Giấy chứng nhận đã được cấp. Cụ C cho rằng phần đất của C1 ngang 18m, dài 25m theo giấy thuê năm 1972 là không đúng với thực tế đăng ký và Giấy chứng nhận của cụ C được cấp.

[4] Đối với phần đất sử dụng làm đường thoát nước công cộng đã có từ trước năm 1975, chiều rộng đo đạc thực tế là 2,8m, diện tích 53,8m², gồm: đường thoát nước rộng 1,75m (diện tích 33,6m²) và bờ đất rộng 1,05m (diện tích 20,2m²) cấp theo đường thoát nước (nay là thửa số 409), giáp ranh thửa 243. Do không còn nhu cầu sử dụng đường nước nên chính quyền địa phương thực hiện bán đấu giá đất. Ông Nguyễn Cao Sơn T4 là người trúng đấu giá thửa đất 409 nên được cấp quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 99 của Luật Đất đai năm 2013. Tuy nhiên, trong quá trình sử dụng đất (thửa số 243), cụ C sử dụng luôn bờ đất rộng 1,05m (diện tích

20,2m²), chiếm một phần thửa 409. Đây là hành vi chiếm đất công của cụ C nên việc cụ C khiếu nại cho rằng Nhà nước lấy đất của C1 để bán cho ông T4 là không đúng. Chủ tịch UBND thành phố T ban hành Quyết định 4407, giải quyết khiếu nại của cụ C với nội dung, không chấp nhận khiếu nại; Chủ tịch UBND tỉnh L ban hành Quyết định 2520 với nội dung, giữ nguyên Quyết định 4407 là có căn cứ.

[5] Tại phiên tòa phúc thẩm, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện cho rằng, việc bán đấu giá thửa đất 409 cho ông T4 không đảm bảo diện tích tối thiểu theo quy định của pháp luật, nhưng nội dung này thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước về đất đai nên không xem xét giải quyết trong vụ án này. Đối với hàng rào lưới B40 và 03 cây dừa do cụ C trồng trên đất công, thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan quản lý Nhà nước về đất đai, nhưng chưa được giải quyết. Đây là một trong các lý do được nêu ra tại Bản án hành chính phúc thẩm số 126/2021/HC-PT ngày 22/3/2021 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, hủy Bản án hành chính sơ thẩm số 69/2019/HC-ST ngày 28/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An. Tuy nhiên, khi vụ án được giải quyết sơ thẩm lại, cụ C không yêu cầu bồi thường đối với các tài sản nêu trên nên Tòa án cấp sơ thẩm không giải quyết là có căn cứ.

[6] Với nhận định trên, xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử không chấp nhận yêu cầu của Người khởi kiện đối với N1 bị kiện là có căn cứ. Do đó, kháng cáo của cụ C và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (ông P, ông G và bà T2), yêu cầu sửa Bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu của Người khởi kiện là không có cơ sở.

[7] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phù hợp với nhận định trên nên chấp nhận.

[8] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[9] Về án phí phúc thẩm: Cụ C thuộc trường hợp người cao tuổi nên được miễn án phí phúc thẩm. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tổ tụng hành chính,

Không chấp nhận kháng cáo của cụ Lục Thị Phương C, bà Nguyễn Thị Phương T2, ông Nguyễn Tấn P và ông Nguyễn Tấn G. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 66/2024/HC-ST ngày 14-5-2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

Áp dụng: Điều 4, Điều 40 và Điều 99 của Luật Đất đai năm 2013; điểm d khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 34 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về Án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của cụ Lục Thị Phương C về việc: Hủy Quyết định số 4407/UBND-NC ngày 20/9/2016 của Chủ tịch UBND thành phố T, tỉnh Long An về việc giải quyết khiếu nại của cụ Lục Thị Phương C; hủy Quyết định số 2520/QĐ-UBND ngày 06/7/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh L về việc giải quyết khiếu nại (lần hai) của cụ Lục Thị Phương C.

2. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Về án phí phúc thẩm: Cụ C được miễn án phí phúc thẩm. Bà Nguyễn Thị Phương T2, ông Nguyễn Tấn P và ông Nguyễn Tấn G mỗi người phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mỗi người đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo các biên lai số 0000270, 0000271 và 0000272 ngày 27/5/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Long An. Bà T2, ông P, ông G đã nộp đủ án phí.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tỉnh Long An;
- Cục THADS tỉnh Long An;
- Các đương sự;
- Lưu VP; HSVA; NTK.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Ngọc Tuấn